

CHƯƠNG 29

CÁC NGOẠI LỆ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(Bản dịch không chính thức của Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương)

*Bản dịch này chuyển từ bản dịch Chương 29 của TPP, do CPTPP giữ nguyên nội dung Chương này của TPP (theo TTWTO-VCCI)

CHƯƠNG 29

CÁC NGOẠI LỆ VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Mục A: Các Ngoại lệ

Điều 29.1: Các Ngoại lệ Chung

1. Vì mục đích của Chương 2 (Đối Xử Quốc Gia và Tiếp Cận Thị Trường Hàng Hóa), Chương 3 (Quy tắc Xuất xứ và Các thủ tục xuất xứ), Chương 4 (Dệt May), Chương 5 (Thủ Tục Hải Quan và Thuận Lợi Hoá Thương Mại), Chương 7 (Các Biện Pháp Vệ Sinh An Toàn Thực Phẩm và Kiểm Dịch Động Thực Vật), Chương 8 (Hàng Rào Kỹ Thuật Trong Thương Mại) và Chương 17 (Các Doanh Nghiệp Nhà Nước và Các Doanh Nghiệp Độc Quyền Được Chỉ Định), Điều XX của GATT 1994 và các giải thích kèm theo Điều XX sẽ được viện dẫn và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi cần thiết.¹

2. Các Bên hiểu rằng các biện pháp quy định tại Điều XX(b) của GATT 1994 bao gồm các biện pháp về môi trường cần thiết để bảo vệ cuộc sống hay sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật, và Điều XX(g) của GATT 1994 áp dụng cho các biện pháp liên quan đến việc bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cơ và hữu cơ có thể bị cạn kiệt.

3. Vì mục đích của Chương 10 (Dịch Vụ Thương Mại Qua Biên Giới), Chương 12 (Nhập Cảnh Tạm Thời Của Khách Kinh Doanh), Chương 13 (Viễn Thông), Chương 14 (Thương Mại Điện Tử)² và Chương 17 (Các Doanh Nghiệp Nhà Nước và Các Doanh Nghiệp Độc Quyền Được Chỉ Định), các khoản (a), (b) và (c) của Điều XIV của GATS được viện dẫn và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi cần thiết.³ Các Bên hiểu rằng các biện pháp quy định tại Điều XIV(b) của GATS bao gồm các biện pháp về môi trường cần thiết để bảo vệ cuộc sống hay sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật.

4. Không một quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là ngăn cản một Bên tiến hành các hành động bao gồm việc duy trì hoặc tăng thuế hải quan, mà được cho phép bởi Cơ quan Giải quyết tranh chấp trong WTO hoặc theo quyết định của ban hội thẩm giải quyết tranh chấp theo một hiệp định thương mại tự do mà Bên thực hiện hành động và Bên chịu ảnh hưởng đều là thành viên.

¹ Vì mục đích của Chương 17 (Các doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp độc quyền được chỉ định), Điều XX của GATT 1994 và các giải thích kèm theo Điều XX sẽ được viện dẫn và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi cần thiết, chỉ đối với các biện pháp của một Bên (bao gồm việc thực hiện các biện pháp thông qua các hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp độc quyền được chỉ định) ảnh hưởng đến việc mua, sản xuất hoặc bán hàng, hoặc ảnh hưởng đến các hoạt động mà có kết quả cuối cùng là sản xuất hàng hóa

² Khoản này không ảnh hưởng đến việc liệu một sản phẩm kỹ thuật số có thể được coi là một hàng hóa hay dịch vụ.

³ Vì mục đích của Chương 17 (Các doanh nghiệp nhà nước và Doanh nghiệp độc quyền được chỉ định), Điều XIV của GATS (bao gồm cả các ghi chú trong đó) được viện dẫn và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi cần thiết, chỉ đối với các biện pháp của một Bên (bao gồm việc thực hiện các biện pháp thông qua các hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp độc quyền được chỉ định) ảnh hưởng đến việc sử dụng hoặc cung cấp dịch vụ, hoặc ảnh hưởng đến các hoạt động mà có kết quả cuối cùng là cung cấp dịch vụ

Điều 29.2: Các Ngoại lệ An ninh

Không một quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là:

- (a) để yêu cầu một Bên phải cung cấp hoặc cho phép tiếp cận bất kỳ thông tin nào mà Bên đó cho rằng việc cung cấp thông tin đi ngược lại với lợi ích an ninh thiết yếu của Bên đó; hoặc
- (b) để ngăn cản một Bên áp dụng các biện pháp mà Bên đó coi là cần thiết cho việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình đối với việc duy trì hoặc khôi phục an ninh hoặc hòa bình quốc tế, hoặc bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu của quốc gia.

Điều 29.3: Các Biện Pháp Phòng Vệ Tạm Thời

1. Không có quy định nào trong Hiệp định này được xem là ngăn cản một Bên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp hạn chế chuyển tiền hoặc thanh toán đối với các giao dịch tài khoản vãng lai trong trường hợp khó khăn hoặc nguy cơ tài chính bên ngoài và mất cân đối thanh toán nghiêm trọng.
2. Không một quy định nào trong Hiệp định này được xem là ngăn cản một Bên áp dụng hoặc duy trì các biện pháp hạn chế liên quan đến thanh toán hoặc chuyển tiền đối với các hoạt động di chuyển vốn:
 - (a) trong trường hợp xảy ra khó khăn hoặc nguy cơ tài chính bên ngoài và mất cân đối thanh toán nghiêm trọng; hoặc
 - (b) trong trường hợp hãn hữu, việc thanh toán hoặc chuyển tiền liên quan đến di chuyển vốn gây ra hoặc có nguy cơ gây ra khó khăn nghiêm trọng về quản lý kinh tế vĩ mô.
3. Bất cứ biện pháp được áp dụng hoặc duy trì theo các khoản 1 hoặc 2 sẽ:
 - (a) không trái với Điều 9.4 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 9.5 (Đối Xử Tối Huệ Quốc), Điều 10.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 10.4 (Đối Xử Tối Huệ Quốc), Điều 11.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 11.4 (Đối Xử Tối Huệ Quốc);⁴
 - (b) phù hợp với các Điều khoản của *Hiệp định Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế*;
 - (c) tránh được thiệt hại không cần thiết liên quan đến lợi ích thương mại, kinh tế và tài chính của bất cứ Bên nào khác;

⁴ Không ảnh hưởng đến việc giải thích chung của các Điều 9.4 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 9.5 (Đối Xử Tối Huệ Quốc), Điều 10.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 10.4 (Đối Xử Tối Huệ Quốc), Điều 11.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 11.4 (Đối Xử Tối Huệ Quốc), thực tế là một biện pháp đã áp dụng hoặc duy trì theo khoản 1 hoặc khoản 2 phân biệt giữa các nhà đầu tư trên cơ sở nơi cư trú, không nhất thiết có nghĩa là biện pháp đó không phù hợp với các Điều 9.4 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 9.5 (Đối Xử Tối Huệ Quốc), Điều 10.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 10.4 (Đối Xử Tối Huệ Quốc), Điều 11.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 11.4 (Đối Xử Tối Huệ Quốc).

- (d) không vượt quá những biện pháp cần thiết để giải quyết các trường hợp được nêu tại các khoản 1 hoặc 2;
- (e) áp dụng tạm thời và giảm dần khi tình trạng nêu cụ thể tại các khoản 1 hoặc 2 được cải thiện, và không được quá 18 tháng; tuy nhiên, trong một số trường hợp hãn hữu thì một Bên có thể kéo dài biện pháp đó thêm một năm và phải thông báo bằng văn bản cho các Bên còn lại trong vòng 30 ngày kể từ khi kéo dài, trừ trường hợp sau khi tham vấn, hơn một nửa các Bên còn lại có ý kiến bằng văn bản trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo rằng họ không nhất trí việc kéo dài biện pháp đáp ứng yêu cầu tại các điểm (c), (d) và (h), trong trường hợp đó, Bên áp dụng sẽ phải từ bỏ biện pháp hoặc điều chỉnh biện pháp để phù hợp với yêu cầu tại các điểm (c), (d) và (h), trong đó cân nhắc ý kiến của các Bên còn lại trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo rằng hơn một nửa các Bên còn lại không nhất trí.
- (f) không trái với Điều 9.7 (Tước Quyền Sở Hữu và Bồi Thường).⁵
- (g) trong trường hợp hạn chế các dòng vốn chảy ra ngoài, không can thiệp vào khả năng nhà đầu tư luân chuyển tài sản bị hạn chế trong lãnh thổ của Bên hạn chế;⁶ và
- (h) không được sử dụng để tránh các điều chỉnh kinh tế vĩ mô cần thiết.

4. Các biện pháp đề cập tại các khoản 1 và 2 sẽ không được áp dụng cho việc thanh toán hoặc chuyển tiền liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài.⁷

5. Một Bên sẽ cố gắng cho biết việc các biện pháp được áp dụng hoặc duy trì theo quy định tại các khoản 1 hoặc 2 là dựa trên giá cả, nếu không dựa trên giá cả thì Bên đó sẽ giải thích lý do sử dụng các biện pháp hạn chế định lượng khi thông báo đến các Bên còn lại về các biện pháp đó.

6. Trong trường hợp thương mại hàng hóa, Điều XII của GATT 1994 và quy định về *Thỏa thuận sơ bộ đối với Cán cân thanh toán của GATT 1994* được việc dẫn và trở thành một phần của Hiệp định này, với những sửa đổi cần thiết. Bất cứ biện pháp nào được áp dụng và duy trì theo quy định tại khoản này sẽ không được ảnh hưởng đến lợi ích liên quan dành cho các Bên còn lại theo Hiệp định này so với việc đối xử dành cho một Bên không phải là Bên ký kết Hiệp định.

7. Một Bên áp dụng hoặc duy trì biện pháp quy định tại các khoản 1, 2 hoặc 6 sẽ:

⁵ Để chắc chắn hơn, các biện pháp đề cập tại khoản 1 hoặc 2 có thể là các hành vi pháp lý không phân biệt đối xử của một Bên được xây dựng và áp dụng để bảo vệ các mục tiêu phúc lợi công cộng hợp pháp như đề cập tại Phụ lục 9-B(3)(b) (Tước Quyền Sở Hữu).

⁶ Thuật ngữ “tài sản hạn chế” trong điểm này chỉ đề cập đến tài sản được đầu tư vào lãnh thổ của Bên hạn chế bởi nhà đầu tư của một Bên bị hạn chế chuyển ra khỏi lãnh thổ của Bên hạn chế.

⁷ Vì mục đích của Điều này, “đầu tư trực tiếp nước ngoài” có nghĩa là một loại hình đầu tư bởi nhà đầu tư của một Bên trong lãnh thổ của Bên kia, thông qua việc nhà đầu tư thực hiện quyền sở hữu hoặc kiểm soát, hoặc có ảnh hưởng ở mức độ đáng kể đối với việc quản lý doanh nghiệp hoặc các khoản đầu tư trực tiếp khác và có xu hướng được thực hiện để thiết lập mối quan hệ lâu dài. Chẳng hạn, sở hữu ít nhất 10% quyền bỏ phiếu của một doanh nghiệp trong thời gian ít nhất 12 tháng thường được coi là đầu tư trực tiếp nước ngoài

- (a) thông báo bằng văn bản tới các Bên còn lại về các biện pháp đó, bao gồm những thay đổi có thể có, và lý do áp dụng các biện pháp này trong vòng 30 ngày kể từ khi áp dụng;
- (b) trong thời gian sớm nhất cung cấp lộ trình hoặc điều kiện cần thiết để từ bỏ các biện pháp này;
- (c) nhanh chóng công bố các biện pháp; và
- (d) ngay lập tức tiến hành tham vấn với các Bên còn lại để rà soát các biện pháp mà Bên đó đã áp dụng hoặc duy trì.
 - (i) Trong trường hợp di chuyển vốn, trả lời bất cứ Bên nào yêu cầu tham vấn liên quan đến các biện pháp đã áp dụng, với điều kiện các hoạt động tham vấn đó không được thực hiện ngoài phạm vi Hiệp định này.
 - (ii) Trong trường hợp hạn chế các tài khoản vãng lai, nếu các hoạt động tham vấn liên quan đến các biện pháp đã áp dụng không được thực hiện theo khuôn khổ Hiệp định WTO, một Bên, nếu được yêu cầu, sẽ ngay lập tức tiến hành tham vấn với bất cứ Bên nào quan tâm.

Điều 29.4: Các Biện pháp Thuế

1. Vi mục đích của Điều này:

các cơ quan được chỉ định có nghĩa là:

- (a) đối với phía Australia, là Thống đốc Kho bạc, hoặc một đại diện được ủy quyền của Thống đốc;
- (b) đối với phía Brunei, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;
- (c) đối với phía Canada, là trợ lý Thứ trưởng về Chính sách thuế, Bộ Tài Chính;
- (d) đối với phía Chile, là Thứ trưởng Bộ Tài Chính;
- (e) đối với phía Nhật Bản, là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Tài chính⁸
- (f) đối với phía Malaysia, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng;
- (g) đối với phía Mexico, là Bộ trưởng Bộ Tài chính và Tín dụng công;
- (h) đối với phía New Zealand, là Ủy viên Cục thuế Nội địa hoặc đại diện được ủy quyền của Ủy viên;

⁸ Vi mục đích tham vấn giữa các cơ quan được chỉ định liên quan đến các Bên, đầu mối liên lạc của Nhật Bản sẽ là Bộ Tài chính Nhật Bản.

- (i) đối với phía Peru, là Tổng Vụ trưởng Vụ Kinh tế Quốc tế, Cạnh tranh và Năng suất, Bộ Kinh tế và Tài chính;
- (j) đối với phía Singapore, là Trưởng quan Chính sách Thuế, Bộ Tài chính;
- (k) đối với phía Hoa Kỳ, là Trợ lý Thống đốc Kho bạc (Chính sách Thuế); và
- (l) đối với phía Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính.

hoặc bất kỳ người kế nhiệm của các cơ quan được chỉ định này theo thông báo bằng văn bản cho các Bên còn lại;

điều ước quốc tế về thuế nghĩa là một điều ước quốc tế về tránh đánh thuế hai lần hoặc các hiệp định hay thỏa thuận quốc tế khác về thuế; và

thuế nội địa và các biện pháp thuế nội địa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt, nhưng không bao gồm:

- (a) “thuế quan” như quy định tại Điều 1.3 (Định nghĩa chung); hoặc
- (b) các biện pháp được liệt kê tại các điểm (b) và (c) của định nghĩa đó;

2. Trừ các quy định tại Điều này, không một quy định nào trong Hiệp định này được áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa.

3. Không một quy định nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của bất kỳ Bên nào theo bất cứ điều ước quốc tế về thuế nào. Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Hiệp định này với bất kỳ điều ước quốc tế về thuế nào thì điều ước quốc tế đó sẽ được ưu tiên áp dụng đối với nội dung không thống nhất đó.

4. Trong trường hợp một điều ước quốc tế về thuế giữa hai hay nhiều Bên, nếu phát sinh vấn đề về việc có hay không bất kỳ sự không phù hợp nào tồn tại giữa Hiệp định này và điều ước quốc tế về thuế đó, thì vấn đề này sẽ được đệ trình tới các cơ quan được chỉ định của các Bên là thành viên tham gia điều ước quốc tế về thuế đó. Các cơ quan được chỉ định của các Bên này sẽ có sáu tháng để đưa ra kết luận về sự tồn tại và mức độ của bất kỳ sự không phù hợp nào kể từ ngày vấn đề này được đệ trình. Nếu các cơ quan được chỉ định đồng ý, thì thời hạn này có thể được kéo dài đến 12 tháng kể từ ngày vấn đề được đệ trình. Không có thủ tục nào liên quan đến biện pháp mà làm phát sinh tranh cãi có thể được tiến hành theo Chương 28 (Giải Quyết Tranh Chấp) hoặc Điều 9.18 (Nộp đơn kiện lên Trọng tài) cho đến khi hết thời hạn sáu tháng, hoặc bất kỳ thời hạn khác có thể được đồng ý bởi các cơ quan được chỉ định nêu trên. Một ban hội thẩm hoặc tòa án được thành lập để xem xét một vụ tranh chấp liên quan đến biện pháp về thuế nội địa sẽ chấp nhận quyết định được đưa ra bởi các cơ quan được chỉ định của các Bên theo khoản này là có giá trị ràng buộc.

5. Không kể tới quy định tại khoản 3:

- (a) Điều 2.3 (Đối xử quốc gia) và các điều khoản cần thiết khác của Hiệp định này để Điều 2.3 sẽ được áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa với cùng mức độ như Điều III của GATT 1994; và
- (b) Điều 2.16 (Thuế Xuất Khẩu, Các loại thuế hoặc Phí khác) sẽ áp dụng cho các biện pháp thuế nội địa.

6. Theo khoản 3:

- (a) Điều 10.3 (Đối Xử Quốc Gia) và Điều 11.6.1 (Thương Mại Qua Biên Giới) sẽ áp dụng cho các biện pháp thuế nội địa đối với thu nhập, doanh lợi, vốn chịu thuế của các doanh nghiệp, hoặc giá trị của một khoản đầu tư hoặc tài sản⁹ (ngoại trừ đối với việc chuyển nhượng của khoản đầu tư hay tài sản đó), có liên quan đến việc mua sắm hoặc sử dụng các dịch vụ riêng đó, ngoại trừ việc không một quy định nào trong điểm này sẽ ngăn cản một Bên quy định việc nhận được hoặc tiếp tục nhận được ưu đãi liên quan đến việc mua sắm hoặc sử dụng các dịch vụ riêng để cung cấp dịch vụ trên lãnh thổ của Bên đó theo yêu cầu;
- (b) Điều 9.4 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 9.5 (Đãi Ngộ Tối Huệ Quốc), Điều 10.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 10.4 (Đãi Ngộ Tối Huệ Quốc), Điều 11.3 (Đối Xử Quốc Gia), Điều 11.4 (Đãi Ngộ Tối Huệ Quốc) và Điều 11.6.1 (Thương Mại Qua Biên Giới) và Điều 14.4 (Không phân biệt đối xử đối với các sản phẩm kỹ thuật số) sẽ áp dụng cho tất cả các biện pháp thuế nội địa, khác với các biện pháp đối với thu nhập, doanh lợi, vốn chịu thuế của các doanh nghiệp, hoặc giá trị của một khoản đầu tư hoặc tài sản¹⁰ (nhưng không bao gồm các biện pháp cho việc chuyển nhượng của khoản đầu tư hay tài sản đó), hoặc thuế đối với bất động sản, tài sản thừa kế, tài sản cho tặng và chuyển nhượng bỏ qua thế hệ; và
- (c) Điều 14.4 (Không Phân biệt Đối xử đối với các Sản phẩm Kỹ thuật số) sẽ áp dụng cho các biện pháp thuế nội địa đối với thu nhập, doanh lợi, vốn chịu thuế của các doanh nghiệp, hoặc giá trị của một khoản đầu tư hoặc tài sản (nhưng không bao gồm các biện pháp cho việc chuyển nhượng của khoản đầu tư hay tài sản đó), có liên quan đến việc mua sắm hoặc sử dụng các sản phẩm kỹ thuật số cụ thể, ngoại trừ việc không một quy định nào trong điểm này sẽ ngăn cản một Bên quy định việc nhận được hoặc tiếp tục nhận được ưu đãi liên quan đến việc mua sắm hoặc sử dụng các sản phẩm kỹ thuật số cụ thể để cung cấp các sản phẩm kỹ thuật số này trên lãnh thổ của Bên đó theo yêu cầu;

ngoại trừ không một quy định nào trong các Điều nêu tại điểm (a) và (b) và (c) sẽ áp dụng đối với:

⁹Điều này không ảnh hưởng đến phương pháp được sử dụng để xác định giá trị đầu tư hoặc tài sản theo pháp luật trong nước tương ứng của các Bên.

¹⁰Điều này không ảnh hưởng đến phương pháp được sử dụng để xác định giá trị đầu tư hoặc tài sản theo pháp luật trong nước tương ứng của các Bên.

- (d) bất kỳ nghĩa vụ đối xử tối huệ quốc nào liên quan đến ưu đãi đối với một Bên theo điều ước quốc tế về thuế;
- (e) một quy định không phù hợp của bất kỳ biện pháp thuế nội địa hiện hành nào;
- (f) sự tiếp tục hoặc ban hành mới nhanh chóng một quy định không phù hợp của bất kỳ biện pháp thuế nội địa hiện hành nào;
- (g) sự điều chỉnh đối với một quy định không phù hợp của bất kỳ biện pháp thuế nội địa hiện hành nào trong phạm vi mà sự điều chỉnh này không làm giảm tính phù hợp của nó với bất cứ các Điều này tại thời điểm điều chỉnh; hoặc
- (h) việc thông qua hoặc thi hành bất cứ biện pháp thuế nội địa mới nào nhằm đảm bảo việc đánh thuế hoặc thu thuế công bằng hoặc hiệu quả, bao gồm bất cứ biện pháp thuế nội địa nào phân biệt giữa các tổ chức, cá nhân dựa vào nơi cư trú của họ nhằm mục đích về thuế, với điều kiện các biện pháp thuế nội địa này không phân biệt đối xử một cách tùy ý giữa các tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp, hàng hoá hoặc dịch vụ của các Bên;¹¹
- (i) một quy định đặt điều kiện cho việc nhận, hoặc tiếp tục nhận ưu đãi liên quan đến việc đóng góp hoặc thu nhập từ tín thác hỗ trợ cho các khoản trợ cấp hưu trí, kế hoạch trợ cấp hưu trí, quỹ hưu trí, hoặc thoả thuận khác để cung cấp lương hưu, phụ cấp hưu trí, hoặc các lợi ích tương tự theo yêu cầu của Bên duy trì quyền tài phán, quy định hoặc giám sát liên tục về tín thác, kế hoạch, quỹ hoặc các thoả thuận khác; hoặc
- (j) bất kỳ khoản thuế tiêu thụ đặc biệt nào đối với các khoản phí bảo hiểm đến một mức độ sẽ được quy định theo điểm (e), (f) hoặc (g), nếu bị đánh thuế bởi các Bên còn lại.

7. Theo khoản 3, và không ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ của các Bên theo khoản 5, Điều 9.9.2 (Các Yêu Cầu Thực Hiện), Điều 9.9.3 và 9.9.5 sẽ áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa.

8. Điều 9.7 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường) sẽ áp dụng đối với các biện pháp thuế nội địa. Tuy nhiên, không có nhà đầu tư nào có thể viện dẫn Điều 9.7 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường) làm cơ sở để khiếu nại khi một biện pháp đã được xác định không phải hành vi tước quyền sở hữu theo khoản này. Một nhà đầu tư viện dẫn Điều 9.7 (Tước quyền sở hữu và Bồi thường) đối với một biện pháp thuế nội địa trước hết phải tham khảo các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định của Bên của nhà đầu tư và Bên bị kiện, tại thời điểm đưa ra thông báo về ý định theo Điều 9.18 (Gửi Khiếu nại lên Trọng tài), vấn đề liệu biện pháp thuế nội địa đó không phải là hành vi tước quyền sở hữu hay không. Nếu các cơ quan có thẩm quyền được chỉ định không đồng ý xem xét hoặc đã xem xét nhưng không thống nhất rằng biện pháp không phải là hành vi tước quyền sở hữu trong vòng sáu tháng kể từ ngày được yêu cầu, nhà đầu tư có thể đưa khiếu nại lên trọng tài theo Điều 9.18 (Gửi Khiếu nại lên Trọng tài).

¹¹ Các Bên hiểu rằng điểm này phải được giải thích bằng việc tham chiếu chú thích của Điều XIV(d) của GATS, và như thể Điều này không bị hạn chế đối với các dịch vụ hoặc các loại thuế trực thu.

9. Không một quy định nào trong Hiệp định này ngăn cản Singapore thông qua các biện pháp thuế nội địa mà không hạn chế thương mại hơn mức cần thiết để giải quyết các mục tiêu chính sách công cộng của Singapore phát sinh từ hạn chế về diện tích của nước này.

Điều 29.5: Các Biện Pháp Kiểm Soát Thuốc Lá¹²

Một Bên có thể lựa chọn từ chối các lợi ích của Mục B Chương 9 (Đầu Tư) đối với các khiếu nại yêu cầu một biện pháp kiểm soát thuốc lá¹³ của Bên đó. Khiếu nại đó sẽ không được gửi lên trọng tài theo Mục B Chương 9 (Đầu Tư) nếu một Bên đã đưa ra sự lựa chọn. Nếu một Bên vẫn chưa đưa ra lựa chọn từ chối các lợi ích đối với các khiếu nại vào thời điểm gửi các khiếu nại đó lên trọng tài theo Mục B Chương 9 (Đầu Tư), thì một Bên có thể lựa chọn từ chối các lợi ích trong quá trình tố tụng. Để chắc chắn hơn, nếu một Bên lựa chọn từ chối các lợi ích đối với các khiếu nại đưa ra, thì bất kỳ các khiếu nại đó sẽ bị bãi bỏ.

Điều 29.6: Hiệp ước Waitangi

1. Với điều kiện các biện pháp này không được sử dụng như một công cụ phân biệt đối xử tùy ý hoặc phi lý nhằm gây bất lợi cho các tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp của các Bên còn lại hoặc như một hạn chế trách nhiệm đối với thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư, không một quy định nào trong Hiệp định này sẽ ngăn cản việc thông qua các biện pháp cần thiết của New Zealand để dành đối xử ưu đãi hơn cho Maori về các vấn đề của Hiệp định này, bao gồm cả việc hoàn thành các nghĩa vụ theo Hiệp ước Waitangi.

3. Các Bên đồng ý với các vấn đề của Hiệp ước Waitangi, bao gồm cả về bản chất của các quyền và nghĩa vụ phát sinh theo nó, sẽ không phải chịu các quy định về giải quyết tranh chấp của Hiệp định này. Mặt khác chương 28 (Giải Quyết Tranh Chấp) sẽ áp dụng cho Điều này. Một ban hội thẩm được thành lập theo Điều 28.7 (Thành Lập Ban Hội Thẩm) có thể được yêu cầu chỉ xác định bất kỳ biện pháp nào theo khoản 1 mà không phù hợp với các quyền của một Bên theo Hiệp định này hay không.

Mục B: Các Điều Khoản Chung

Điều 29.7: Công bố Thông tin

Không quy định nào của Hiệp định này được hiểu là yêu cầu một Bên cung cấp hoặc cho phép tiếp cận các thông tin mà việc tiết lộ các thông tin đó sẽ đi ngược lại pháp luật trong nước của Bên đó hoặc ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật hoặc đi ngược lại lợi ích công cộng, hoặc

¹² Để chắc chắn hơn, Điều này không làm ảnh hưởng: (i) hoạt động tại Điều 9.14 (Từ Chối Lợi Ích); hoặc (ii) quyền của một Bên theo Chương 28 (Giải Quyết Tranh Chấp) liên quan đến một biện pháp kiểm soát thuốc lá.

¹³ Một biện pháp kiểm soát thuốc lá có nghĩa là biện pháp của một Bên liên quan đến việc sản xuất hoặc tiêu thụ các sản phẩm thuốc lá sản xuất (bao gồm các sản phẩm được làm hoặc có nguồn gốc từ thuốc lá), việc phân phối, dán nhãn, đóng gói, quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi, bán hàng, mua hàng, hoặc sử dụng, cũng như các biện pháp cưỡng chế, chẳng hạn như kiểm tra, lưu trữ hồ sơ, và yêu cầu báo cáo. Để chắc chắn hơn, một biện pháp không là biện pháp kiểm soát thuốc lá khi liên quan đến lá thuốc lá vì lá thuốc lá không thuộc sở hữu của nhà sản xuất các sản phẩm thuốc lá hoặc nó không là một phần của sản phẩm thuốc lá sản xuất

ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích thương mại hợp pháp của các doanh nghiệp, công cộng hoặc tư nhân.

Điều 29.8: Tri thức Truyền thống, Văn hóa Dân gian và Nguồn Gen

Tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế của mỗi Bên, mỗi Bên có thể thiết lập các biện pháp nhằm đảm bảo tôn trọng, giữ gìn và phát huy tri thức truyền thống và văn hóa dân gian.